TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH XUYÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC** Bản án số: 11/2024/DS-ST Ngày 01 - 8 - 2024 "V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thái

2. Bà Lê Thị Bích Thuần

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên toà: Bà Kiều Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bình P, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; "có mặt"

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; "vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2023 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Bình P trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc L quen biết nhau khoảng tháng 02 năm 2023. Quá trình quen biết, chị L giới thiệu là nhân viên kế toán của Trường mầm non G B, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; ngoài ra chị còn có một công ty sản xuất hạt nhựa ở huyện S, thành phố Hà Nội. Ngày 28 tháng 11 năm 2023, chị L có nói với anh là Công ty đang bị hỏng máy hạt nhựa nhưng thiếu tiền nên hỏi vay anh 40.000.000 đồng để sửa chữa máy hạt nhựa và hẹn ngày mai sẽ trả tiền cho anh, anh đồng ý. Do không có tiền mặt nên anh đã chuyển khoản cho chị L

thông qua số tài khoản của anh là 4261048574 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) còn tài khoản của chị L là 0610102329999 - Ngân hàng TMCP Quân đội (MB). Khoản vay nợ này là anh cho chị L vay không liên quan gì đến Công ty của chị L. Tuy nhiên ngày hôm sau không thấy chị L trả tiền nhưng vì nể nang là chỗ bạn bè thân tình nên anh không đòi tiền ngay. Đến ngày 15/12/2023, anh cần 100.000.000 đồng để lo công việc nên đã nói chuyện với chị L và đòi tiền chị L và đồng thời hỏi chị L nếu có tiền thì cho anh vay thêm 50.000.000 đồng. Chị L đồng ý và nói với anh ngày mai sẽ trả tiền cho anh. Đến ngày 16/12/2023, chị L nhắn tin zalo cho anh hỏi vay anh thêm 10.000.000 đồng nữa và hứa thứ ba (tức ngày 19/12/2023) sẽ trả 50.000.000 đồng và cho anh vay thêm 50.000.000 đồng. Anh đồng ý và tiếp tục chuyển khoản cho chị L theo số tài khoản cũ. Cả 02 khoản vay này đều không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 19/12/2023 anh gọi điện đòi chị L tiền thì chị L trả lời chưa có tiền, sau đó nhiều lần anh đòi tiền chị L nhưng chị L không trả mà còn đóng cửa không cho anh gặp, điện thoại bị chặn số anh không liên lạc được, hủy kết bạn zalo với anh.

Vì vậy, anh làm đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị Ngọc L ra Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên giải quyết: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc L phải trả cho anh số tiền đã vay là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, anh không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L vắng mặt tại phiên toà, nhưng quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai chị L trình bày như sau:

Chị có quen biết ngoài xã hội với anh P, biết anh làm nghề "cò đất" nên có nhờ anh P tìm chủ đất lô đất sát cạnh nhà chị để chị hỏi mua lô đất này. Thời gian nhờ anh P tìm chủ đất cách đây khoảng hơn 3 tháng (khoảng tháng 10 năm 2023). Sau khi nhờ anh P thì khoảng 10 ngày sau, anh P có gọi điện và gửi cho chị qua Zalo thông tin thửa đất mà chị có nhu cầu mua, một thời gian sau thì anh P có gọi điện và nói đã tìm được chủ đất và nói chủ đất có nhu cầu bán thửa đất này, chị nhờ anh P thương lượng giá với chủ đất anh P đồng ý, khoảng 2 ngày sau anh P trực tiếp lên nhà chị thông báo với chị là chủ đất đòi giá 1.550.000.000 đồng, chị đồng ý và đặt cọc cho anh P 50.000.000 (năm mươi triệu đồng chẵn) và nói là nhất định phải giữ cho chị lô đất này để chị lấy và ngay tại phòng khách của gia đình chị đã đưa 50.000.000 đồng tiền mặt cho anh P. Vì tin tưởng anh P nên chị không làm giấy biên nhận. Sau một thời gian anh P thông báo là chủ đất không bán nữa, chị đề nghị lấy lại tiền đặt cọc đất mà chị đã đưa cho anh P, anh P bảo để anh liên hệ với chủ đất. Từ hôm đó ngày nào gặp hoặc anh P gọi cho chị, chị đều hỏi anh P về số tiền 50.000.000 đồng của chị nhưng anh P đều khất lần. Đến ngày 28/11/2023, anh P chuyển khoản trả cho chị 40.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng MB, số tài khoản là 0610102329999 tên tài khoản: Nguyễn Thị Ngọc L của chị và gọi điện thông báo cho chị, chị có nói là tại sao lại chuyển có 40.000.000 đồng anh P bảo chỉ lấy lại được từng ấy thôi, chị không đồng ý và yêu cầu anh P liên hệ với chủ đất trả đủ cho chị 50.000.000 đồng. Sau đó, chị thường xuyên nhắc anh P trả nốt cho chị số tiền

10.000.00 đồng. Đến ngày 16/12/2023 anh P đã chuyển trả nốt cho chị 10.000.000 đồng vào tài khoản của chị tại ngân hàng MB (như trên). Sau khi nhận đủ số tiền của chị một thời gian anh em vẫn bình thường nói chuyện. Ít ngày sau chị xoá bạn Zalo vì không muốn anh P liên hệ với chị bằng video và không muốn anh P gửi những hình ảnh tin nhắn quấy rối chị. Trong thời gian anh P cầm tiền cọc đất của chị anh đã gửi rất nhiều những tin nhắn hình ảnh nhạy cảm cho chị làm chị rất bực, nhưng vẫn phải nhịn vì chưa đòi được tiền, giờ chị đã lấy lại được đủ tiền chị không muốn để cho anh nhắn tin quấy rối chị bằng những tin nhắn Zalo nhạy cảm nữa nên chị xóa bạn. Và xoá toàn bộ tin nhắn đã liên lạc với anh P.

Chị khẳng định, giữa anh P và chị không có việc vay nợ gì nhau. Việc chị nhờ anh P mua ô đất gần nhà chị chỉ có chị trao đổi với anh P không có ai làm chứng. Các cuộc giao dịch liên quan đến ô đất thông qua gọi điện hoặc gặp trực tiếp tại nhà chị. Chị đã xóa kết bạn zalo với anh P và xóa toàn bộ tin nhắn giữa chị và anh P do nhiều tin nhắn anh P gửi cho chị có nội dung nhạy cảm và quấy rối tình cảm chị. Anh P có nói với chị đã liên lạc được với chủ đất nhưng không cho chị gặp chủ đất nên giữa chị và chủ đất chưa bao giờ liên lạc hay giao dịch mua bán gì với nhau, khi giao tiền 50.000.000 đồng đặt cọc ô đất cho anh P chị đưa tiền mặt, tại phòng khách của nhà chị, chị không lập văn bản gì, không có ai chứng kiến.

Nay anh P khởi kiện chị đòi chị phải trả cho anh P 50.000.000 đồng là không đúng, chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, m về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bình P, buộc chị Nguyễn Thị Ngọc L phải trả cho anh P số tiền 50.000.000 đồng, anh P không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bị đơn là chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh Nguyễn Bình P và chị Nguyễn Thị Ngọc L. Bị đơn cư trú tại tổ dân phố Cửa Đồng, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

[2]. Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến phiên toà lần thứ 2 nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Toà án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

Nguyên đơn anh Nguyễn Bình P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L phải trả số tiền 50.000.000 đồng bị đơn vay của nguyên đơn, không yêu cầu lãi suất. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do bị đơn không vay tiền của nguyên đơn, số tiền nguyên đơn chuyển cho bị đơn (50.000.000 đồng) qua tài khoản ngân hàng là số tiền nguyên đơn trả cho bị đơn. Số tiền này, bị đơn đưa cho nguyên đơn để đặt cọc mua đất nhưng không thành nên nguyên đơn phải trả cho bị đơn.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

Chứng cứ nguyên đơn đưa ra khi khởi kiện là 01 bản sao kê tiền gửi khách hàng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (chi nhánh Vĩnh Phúc – Phòng Giao dịch Bình Xuyên) ngày 28 tháng 11 năm 2023 thể hiện khách hàng Nguyễn Bình P chuyển tiền 40.000.000 đồng vào số tài khoản 0610102329999 tại Ngân hàng MB; 01 bản sao kê tiền gửi khách hàng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (chi nhánh huyện Bình Xuyên – Vĩnh Phúc II) ngày 16 tháng 12 năm 2023 thể hiện khách hàng Nguyễn Bình P chuyển tiền 10.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản cho vay vào số tài khoản 0610102329999 tại Ngân hàng MB; 02 bản in nội dung tin nhắn zalo của anh Nguyễn Bình P với chị Nguyễn Thị Ngọc L vào ngày 16/12/2023 và ngày 19/12/2023 trong đó có nội dung chị L yêu cầu anh P chuyển tiền vào số tài khoản 0610102329999 tại Ngân hàng MB của chị L và những nội dung tin nhắn thể hiện chị L xin khất nợ là phù hợp với tài liệu, chứng cứ anh P đã cung cấp cho Toà án, ngoài ra nguyên đơn không đưa ra chứng cứ nào khác.

Bị đơn thừa nhận việc nguyên đơn chuyển tiền vào số tài khoản của bị đơn 02 lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng như nguyên đơn khai, thừa nhận 02 bản in tin nhắn zalo của nguyên đơn giao nộp cho Toà án là nội dung tin nhắn tài khoản zalo của bị đơn và nguyên đơn nhưng cho rằng đây là số tiền bị đơn nhờ nguyên đơn đặt cọc mua đất không thành nên nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn chứ không phải bị đơn vay tiền của nguyên đơn. Bị đơn khẳng định việc nhờ nguyên đơn tìm đất, giao dịch đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng là đưa tiền mặt, trực tiếp không lập văn bản và không có người chứng kiến. Bị đơn không biết chủ đất là ai và chưa bao giờ liên hệ với chủ đất.

Do lời khai giữa nguyên đơn, bị đơn có mâu thuẫn, Toà án đã ra Thông báo về phiên đối chất, yêu cầu chị L đến Toà để đối chất với anh P vào ngày 04/4/2024 nhưng chị L vắng mặt không có lý do. Toà án đã gửi Công văn số 69/2024/CV-TA ngày 15/5/2024 cho chị L, thông báo cho chị L những chứng cứ do anh P xuất trình khi khởi kiện và lời khai của anh P tại Tòa. Ngày 20/5/2024 chị L có văn bản gửi cho Toà án, nội dung thừa nhận có nhắn tin cho anh P vào ngày 16/12/2023 và ngày 19/12/2023 yêu cầu chuyển tiền, nhưng vẫn cho rằng không phải là tiền vay mà là tiền anh P phải trả cho chị L tiền đặt cọc mua đất, tuy nhiên chị L không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và không có ai làm chứng.

Như vậy lời khai và chứng cứ nguyên đơn đưa ra là có căn cứ, phản bác của bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên không không có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc L phải trả cho anh Nguyễn Bình P số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng *(hai triệu năm trăm nghìn đồng).*

2.2. Anh Nguyễn Bình P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Bình P số tiền 1.250.000 đồng *(Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tạm ứng phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002170 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Nguyễn Hoàng Thanh